

**TỔNG CÔNG
TY CHĂN
NUÔI VIỆT
NAM - CTCP**

Digitally signed by TỔNG CÔNG TY
CHĂN NUÔI VIỆT NAM - CTCP
DN: C=VN, S=Hà Nội, CN=TỔNG
CÔNG TY CHĂN NUÔI VIỆT NAM -
CTCP, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=
MST:0100104443
Reason: I am the author of this
document
Location:
Date: 2025.04.28 09:43:28+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2024.4.0

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP

**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn
ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025**

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thông tin về Tổng Công ty

Các văn bản thành lập Quyết định số 862 NN-TCCB/QĐ ngày 21 tháng 6 năm 1996 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn trên cơ sở sắp xếp lại các đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.

Tổng Công ty được chuyển đổi thành Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP theo Quyết định số 1893/QĐ-TTg ngày 14 tháng 12 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ.

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100104443 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 30 tháng 6 năm 2010. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất (lần thứ 12) là ngày 16 tháng 11 năm 2023.

Hội đồng Quản trị	Bà Mai Kiều Liên Ông Nguyễn Hồng Bách Ông Lê Thành Liêm Ông Đỗ Hoàng Phúc Ông Đoàn Quốc Khánh	Chủ tịch Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên
Ban Tổng Giám đốc	Ông Đoàn Quốc Khánh Ông Nguyễn Đức Nam Bà Phạm Ngọc Trâm	Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng giám đốc
Ban Kiểm soát	Bà Trần Thái Thoại Trân Ông Trịnh Công Sơn Ông Trương Anh Vũ	Trưởng ban Thành viên Thành viên
Trụ sở đăng ký	519 Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP (“Tổng Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Tổng Công ty cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 3 đến trang 34 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 03 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng Công ty cho giai đoạn ba tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng Tổng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Đoàn Quốc Khánh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 4 năm 2025

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 03 năm 2025

Mẫu B 02– DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/03/2025 VND	1/1/2025 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		206.565.662.826	224.838.518.786
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	3.359.462.529	20.181.137.661
Tiền	111		3.359.462.529	10.181.137.661
Các khoản tương đương tiền	112		-	10.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		161.000.000.000	153.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5(a)	161.000.000.000	153.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		22.676.393.090	25.283.731.907
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	12.765.762.902	2.935.187.095
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	5.826.505.696	21.255.583.220
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	5.570.524.492	6.539.436.592
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(1.486.400.000)	(5.446.475.000)
Hàng tồn kho	140		37.870.000	37.870.000
Hàng tồn kho	141		37.870.000	37.870.000
Tài sản ngắn hạn khác	150		19.491.937.207	26.335.779.218
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		98.804.499	94.446.469
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		387.739.662	9.939.390.223
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	14(a)	19.005.393.046	16.301.942.526

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 03 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 02– DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Tài sản dài hạn (200 = 220 + 240 + 250 + 260)	200		4.028.195.420.700	4.029.092.711.001
Tài sản cố định	220		5.958.063.754	6.218.974.765
Tài sản cố định hữu hình	221	10	5.932.346.997	6.172.792.842
Nguyên giá	222		50.856.104.929	50.856.104.929
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(44.923.757.932)	(44.683.312.087)
Tài sản cố định vô hình	227		25.716.757	46.181.923
Nguyên giá	228		686.582.000	686.582.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(660.865.243)	(640.400.077)
Tài sản dở dang dài hạn	240		1.231.662.645.240	1.231.834.988.560
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	11	1.160.015.439.926	1.165.741.588.073
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	71.647.205.314	66.093.400.487
Đầu tư tài chính dài hạn	250	5(b)	2.790.406.136.217	2.790.844.022.182
Đầu tư vào công ty con	251		2.623.904.636.965	2.623.904.636.965
Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết	252		234.218.945.534	238.833.528.842
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		22.294.812.327	22.294.812.327
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(90.012.258.609)	(94.188.955.952)
Tài sản dài hạn khác	260		168.575.489	194.725.494
Chi phí trả trước dài hạn	261		168.575.489	194.725.494
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		4.234.761.083.526	4.253.931.229.787

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này


Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 03 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 02– DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)


NGUỒN VỐN

NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)	300		1.240.772.173.543	1.256.546.587.592
Nợ ngắn hạn	310		1.240.772.173.543	1.256.546.587.592
Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	65.844.059.388	197.666.584.947
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.470.043.277	1.469.893.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14(b)	3.530.430.013	3.310.245.495
Phải trả người lao động	314		675.320.668	1.134.250.815
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	27.040.691.195	33.191.943.752
Phải trả ngắn hạn khác	319	16	1.094.516.478.276	971.018.576.706
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	17	2.519.151.360	2.461.920.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	18	45.175.999.366	46.293.172.877
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		2.993.988.909.983	2.997.384.642.195
Vốn chủ sở hữu	410	19	2.993.988.909.983	2.997.384.642.195
Vốn cổ phần	411	20	2.124.916.110.000	2.124.916.110.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2.124.916.110.000	2.124.916.110.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		396.702.829.230	396.702.829.230
Quỹ đầu tư phát triển	418	22	80.559.835.691	80.559.835.691
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		391.810.135.062	395.205.867.274
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		395.205.867.274	252.573.669.152
- LNST năm nay	421b		(3.395.732.212)	142.632.198.122
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		4.234.761.083.526	4.253.931.229.787

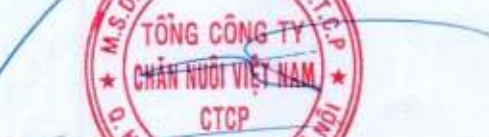
Người lập:


 Hoàng Mạnh Cường
 Kế toán trưởng

Người soát xét:


 Nguyễn Đức Nam
 Phó Tổng Giám đốc

Người duyệt:


 Đoàn Quốc Khánh
 Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP

Báo cáo kết quả kinh doanh riêng cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025

Mẫu B 02- DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn ba tháng kết thúc ngày	
			31/3/2025 VND	31/3/2024 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	01	24	8.570.837.675	924.723.475
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	11	25	8.016.357.278	530.134.022
Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ (20 = 01 - 11)	20		554.480.397	394.589.453
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	2.371.062.897	6.666.509.794
Chi phí tài chính	22	27	(544.430.035)	(285.796.223)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	7.092.627.672	7.701.452.370
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 26)	30		(3.622.654.343)	(354.556.900)
Thu nhập khác	31	29	441.695.584	450.746.801
Chi phí khác	32	30	214.773.453	422.408.007
Lợi nhuận/(lỗ) khác (40 = 31 - 32)	40		226.922.131	28.338.794
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(3.395.732.212)	(326.218.106)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		(3.395.732.212)	(326.218.106)

Người lập:



Hoàng Mạnh Cường
Kế toán trưởng

Người soát xét:



Nguyễn Đức Nam
Phó Tổng Giám đốc

Người duyệt:



Đoàn Quốc Khánh
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm
2025 (Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Giai đoạn ba tháng kết thúc ngày	
		31/3/2025 VND	31/3/2024 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	(3.395.732.212)	(326.218.106)
Khấu hao	02	260.911.011	276.504.009
Các khoản dự phòng	03	(488.198.479)	(228.564.667)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(2.371.062.897)	(6.666.509.794)
Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	(5.994.082.577)	(6.944.788.558)
Biến động các khoản phải thu	09	10.408.429.269	96.311.646.570
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	124.716.883.655	128.532.775.927
Biến động chi phí trả trước	12	21.791.975	(54.292.000)
		129.153.022.322	217.845.341.939
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(4.495.824.071)	(880.991.220)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.117.173.511)	(1.178.450.930)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	123.540.024.740	215.785.899.789
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(134.763.188.358)	(112.592.521.471)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22	-	-
Tiền chi tiền gửi có kỳ hạn	23	(58.000.000.000)	-
Tiền thu tiền gửi có kỳ hạn	24	50.000.000.000	210.100.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(703.800.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	983.316.000	-
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27	1.418.172.486	5.197.033.904
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(140.361.699.872)	(601.095.487.567)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

Mẫu B 03 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Giai đoạn ba tháng kết thúc ngày

Mã số	31/3/2025 VND	31/3/2024 VND
-------	------------------	------------------

LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	-	-
Tiền trả cổ tức	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(16.821.675.132)	(385.309.587.778)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	20.181.137.661	618.962.235.939
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60) (Thuyết minh 4)	70	3.359.462.529	233.652.648.161

Người lập:

Hoàng Mạnh Cường
Kế toán trưởng

Người soát xét:

Nguyễn Đức Nam
Phó Tổng Giám đốc

Người duyệt:



Đoàn Quốc Khánh
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31
tháng 03 năm 2025

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP (“Tổng Công ty”), tiền thân là Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, được thành lập theo Quyết định số 862 NN-TCCB/QĐ ngày 21 tháng 6 năm 1996 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn trên cơ sở sắp xếp lại các đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Tổng Công ty được chuyển đổi thành Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP theo Quyết định số 1893/QĐ-TTg ngày 14 tháng 12 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ và hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100104443 đăng ký lần đầu ngày 30 tháng 6 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 16 tháng 11 năm 2023.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Tổng Công ty là:

- Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò;
- Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn;
- Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa;
- Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; và
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Tổng Công ty

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2025, Tổng Công ty có 2 công ty con và 4 công ty liên kết (1/1/2025: 2 công ty con và 5 công ty liên kết) được liệt kê trong Thuyết minh 5(b).

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2025, Tổng Công ty có 32 nhân viên (1/1/2025: 32 nhân viên).

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31
tháng 03 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Tổng Công ty cũng lập và phát hành riêng rẽ báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính. Toàn bộ các số liệu được trình bày bằng VND, trừ khi được ghi chú khác.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

(a) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(b) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31
tháng 03 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Tổng Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Tổng Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(c) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(d) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(e) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	5 – 30 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 10 năm
▪ phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 8 năm

(f) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 5 năm.

(g) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng tài sản cố định hữu hình chưa được hoàn thành. Tổng Công ty không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng.

(h) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(ii) Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn khác gồm các chi phí cải tạo, sửa chữa định kỳ, thuê biển quảng cáo được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31
tháng 03 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(i) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(j) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tổng Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(k) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(l) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận trước hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31
tháng 03 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(m) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iii) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(n) Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(o) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới công ty mẹ, các công ty con và công ty liên kết của Tổng Công ty và của công ty mẹ.

(p) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính riêng năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính riêng này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng Công ty trong năm trước.

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31
tháng 03 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/3/2025	1/1/2025
	VND	VND
Tiền gửi ngân hàng	3.359.462.529	10.181.137.661
Các khoản tương đương tiền (*)	-	10.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
	3.359.462.529	20.181.137.661

(*) Tại ngày 31 tháng 03 năm 2025, các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi bằng VND tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng.

5. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/3/2025	1/1/2025
	VND	VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín	161.000.000.000	153.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
	161.000.000.000	153.000.000.000

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn ba tháng 03 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Đầu tư tài chính dài hạn

	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
					31/3/2025		
Đầu tư góp vốn vào:							
Công ty con							
▪ Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu (“MCM”)	Sơn La	65.229.971	59,30%	59,30%	1.144.751.636.965	-	(**)
▪ Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật (“JVL”)	Hà Nội	-	51,00%	51,00%	1.479.153.000.000	-	(**)
					<u>2.623.904.636.965</u>		
Công ty liên kết							
▪ Công ty TNHH Phát triển Chăn nuôi Peter Hand Hà Nội	Hà Nội	-	36,00%	36,00%	3.318.973.219	-	(**)
▪ Công ty Cổ phần Thực phẩm Lâm Đồng	Lâm Đồng	5.613.217	38,30%	38,30%	80.622.827.315	-	(**)
▪ Tổng Công ty Chè Việt Nam – CTCP (*)	Hà Nội	7.400.000	16,23%	16,23%	82.777.145.000	(25.843.765.870)	(**)
▪ Công ty Cổ phần Nhựa Miền Trung	Quảng Nam	6.750.000	40,06%	40,06%	67.500.000.000	(41.873.680.412)	(**)
					<u>234.218.945.534</u>	<u>(67.717.446.282)</u>	
Đơn vị khác							
▪ Công ty Cổ phần Chăn nuôi Chế biến Xuất nhập khẩu	Hà Nội	291.264	17,12%	17,12%	4.685.428.501	(4.685.428.501)	(**)
▪ Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Trung ương	Hà Nội	1.722.715	17,23%	17,23%	17.609.383.826	(17.609.383.826)	(**)
					<u>22.294.812.327</u>	<u>(22.294.812.327)</u>	
					<u>2.790.406.136.217</u>	<u>(90.012.258.609)</u>	

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

		1/1/2025					
	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư góp vốn vào:							
Công ty con							
▪ Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu (“MCM”)	Sơn La	65.229.971	59,30%	59,30%	1.144.751.636.965	-	(**)
▪ Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật (“JVL”)	Hà Nội	-	51,00%	51,00%	1.479.153.000.000	-	(**)
					2.623.904.636.965	-	
Công ty liên kết							
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất nhập khẩu Súc sản Gia cầm Hải Phòng	Hải Phòng	491.658	30,00%	30,00%	4.614.583.308	(4.614.583.308)	(**)
▪ Công ty TNHH Phát triển Chăn nuôi Peter Hand Hà Nội	Hà Nội	-	36,00%	36,00%	3.318.973.219	-	(**)
▪ Công ty Cổ phần Thực phẩm Lâm Đồng	Lâm Đồng	5.613.217	38,30%	38,30%	80.622.827.315	-	(**)
▪ Tổng Công ty Chè Việt Nam – CTCP (*)	Hà Nội	7.400.000	16,23%	16,23%	82.777.145.000	(24.905.150.968)	(**)
▪ Công ty Cổ phần Nhựa Miền Trung	Quảng Nam	6.750.000	40,06%	40,06%	67.500.000.000	(42.374.409.349)	(**)
					238.833.528.842	(71.894.143.625)	
Đơn vị khác							
▪ Công ty Cổ phần Chăn nuôi Chế biến Xuất nhập khẩu	Hà Nội	291.264	17,12%	17,12%	4.685.428.501	(4.685.428.501)	(**)
▪ Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Trung ương	Hà Nội	1.722.715	17,23%	17,23%	17.609.383.826	(17.609.383.826)	(**)
					22.294.812.327	(22.294.812.327)	
					2.885.032.978.134	(94.188.955.952)	

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31
tháng 03 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- (*) Tỷ lệ biểu quyết của Tổng Công ty tại Tổng Công ty Chè Việt Nam - CTCP dưới 20%. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá rằng Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Tổng Công ty Chè Việt Nam - CTCP thông qua việc Tổng Công ty có thành viên Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty là Thành viên Hội đồng Quản trị của công ty này. Do đó, khoản đầu tư vào Tổng Công ty Chè Việt Nam - CTCP được trình bày trên khoản mục Đầu tư vào công ty liên kết.
- (**) Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường hoặc khối lượng giao dịch thấp cho các khoản đầu tư này, và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/3/2025	1/1/2025
	VND	VND
Công ty con		
Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật	10.258.742.637	616.616.951
Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu	139.595.454	75.036.732
Bên khác		
Công ty Cổ phần Phát triển TNS Việt Nam	1.944.449.081	1.731.465.441
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Vật liệu Xây dựng Cát Linh	239.000.000	239.000.000
Các khách hàng khác	183.975.730	273.067.971
	12.765.762.902	2.935.187.095

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không tính lãi và có thời hạn hoàn trả là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31
tháng 03 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

7. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/3/2025	1/1/2025
	VND	VND
Công ty TNHH Maeda Việt Nam (*)	-	10.333.826.230
Công ty TNHH Liên doanh DMC - VTS	-	3.721.075.000
Trả trước cho người bán ngắn hạn khác	5.826.505.696	7.200.681.990
	5.826.505.696	21.255.583.220

(*) Đây là khoản tiền tạm ứng liên quan đến Dự án đầu tư cải tạo trang trại, chuyển đổi vật nuôi từ lợn sang bò thịt, xây dựng cơ sở giết mổ, chế biến, bảo quản và phân phối tại Huyện Tam Đảo, Tỉnh Vĩnh Phúc (“Dự án Tam Đảo”).

8. Phải thu ngắn hạn khác

	31/3/2025	1/1/2025
	VND	VND
Công ty con		
Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật	700.000.000	2.519.262.880
Bên khác		
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	528.800.000	528.800.000
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	2.649.356.165	1.696.465.754
Phải thu người lao động	253.399.933	454.248.646
Phải thu khác	1.438.968.394	1.340.659.312
	5.570.524.492	6.539.436.592

Các khoản phải thu từ công ty liên quan không có liên quan đến hoạt động thương mại là các khoản không có bảo đảm, không tính lãi và có thể thu hồi theo yêu cầu.

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Nợ xấu và nợ khó đòi

	Số năm quá hạn	31/3/2025		1/1/2025			
		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
<i>Nợ khó có khả năng thu hồi</i>							
Công ty TNHH Liên doanh DMC - VTS	Trên 3 năm	-	-	-	3.721.075.000	(3.721.075.000)	-
Công ty Cổ phần giống vật nuôi và cây trồng Đông Giao	Trên 3 năm	1.486.400.000	(1.486.400.000)	-	1.486.400.000	(1.486.400.000)	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Vật liệu Xây dựng Cát Linh	Trên 3 năm	-	-	-	239.000.000	(239.000.000)	-
		1.486.400.000	(1.486.400.000)	-	5.446.475.000	(5.446.475.000)	-
<i>Trong đó:</i>							
Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn			(1.486.400.000)				(5.446.475.000)

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	44.908.793.463	1.251.415.376	4.465.732.454	230.163.636	50.856.104.929
Số dư cuối kỳ	44.908.793.463	1.251.415.376	4.465.732.454	230.163.636	50.856.104.929
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	39.755.533.788	1.124.575.884	3.573.038.779	230.163.636	44.683.312.087
Khấu hao trong kỳ	3.006.763.065	2.871.839.901	87.991.026	-	5.966.593.992
Thanh lý					-
Chuyển sang chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	(2.867.901.177)	(2.858.246.970)	-	-	(5.726.148.147)
Số dư cuối kỳ	39.894.395.676	1.138.168.815	3.661.029.805	230.163.636	44.923.757.932
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	5.153.259.675	126.839.492	892.693.675	-	6.172.792.842
Số dư cuối kỳ	5.014.397.787	113.246.561	804.702.649	-	5.932.346.997

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 03 năm 2025 có tài sản có nguyên giá 29,654 triệu VND (1/1/2025: 29,654 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31
tháng 03 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

11. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn

Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn thể hiện chi phí xây dựng liên quan đến Dự án Tam Đảo. Theo Thỏa thuận khung đầu tư ngày 5 tháng 9 năm 2022 và bản sửa đổi ngày 24 tháng 9 năm 2024 giữa Tổng Công ty, Sojitz Corporation (nhà đầu tư thứ hai của JVL - một công ty con của Tổng Công ty), Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam (công ty mẹ của Tổng Công ty), và JVL, Tổng Công ty có kế hoạch chuyển nhượng Dự án Tam Đảo cho JVL sau khi việc xây dựng Dự án Tam Đảo hoàn thành và đáp ứng các điều kiện tiên quyết được quy định cho việc chuyển nhượng.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/3/2025 VND	31/3/2024 VND
Số dư đầu năm	66.093.400.487	121.179.086.173
Tăng trong năm	5.553.804.827	379.227.469.556
Số dư cuối năm	<u>71.647.205.314</u>	<u>500.406.555.729</u>

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/3/2025 VND	1/1/2025 VND
Dự án Tam Đảo	986.131.918.00	-
Dự án Nhà máy sữa Hưng Yên	67.996.418.851	63.428.745.942
Dự án đầu tư xây dựng tòa nhà Vilico Tower	2.664.654.545	2.664.654.545
	<u>71.647.205.314</u>	<u>66.093.400.487</u>

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31
tháng 03 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/3/2025 VND	1/1/2025 VND
Công ty con		
Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật	1.359.900	1.359.900
Các bên thứ ba		
Công ty TNHH Maeda Việt Nam	49.709.526.147	64.580.081.893
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Thái Sơn	-	11.515.780.505
Công ty Cổ phần Cơ khí xây dựng thương mại Đại Dũng	-	59.463.066.884
Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc Việt	-	28.651.123.677
Công ty cổ phần công nghệ SMOSA Việt Nam	14.054.005.129	27.983.983.281
Các bên khác	2.079.168.212	5.471.188.807
	65.844.059.388	197.666.584.947

Các khoản phải trả cho công ty con liên quan đến hoạt động thương mại là các khoản không có bảo đảm, không tính lãi và phải thanh toán theo yêu cầu.

14. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước

(a) Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	1/1/2025 VND	Số phải thu trong năm VND	Số đã nộp/bù trừ trong năm VND	31/3/2025 VND
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	8.123.212.927	1.378.071.960	-	9.501.284.887
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	8.120.641.305	1.380.643.582	-	9.501.284.887
Các loại thuế khác	58.088.294	-	(55.265.022)	2.823.272
	16.301.942.526	2.758.715.542	(55.265.022)	19.005.393.046

(*) Trong năm, Tổng Công ty tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp liên quan đến tiền tạm ứng của JVL cho việc chuyển nhượng Dự án Tam Đảo.

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31
tháng 03 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2025 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp/ bù trừ trong năm VND	31/3/2025 VND
Thuế giá trị gia tăng	29.185.998	1.934.023.598	(1.930.841.780)	32.367.816
Thuế thu nhập cá nhân	165.879.008	458.689.740	(622.787.434)	1.781.314
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.115.180.489	-	(3.115.180.489)	-
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	3.496.280.883	-	3.496.280.883
	3.310.245.495	5.888.994.221	5.668.809.703	3.530.430.013

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/3/2025 VND	1/1/2025 VND
Trích trước chi phí xây dựng	26.834.691.195	32.995.943.752
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	206.000.000	196.000.000
	27.040.691.195	33.191.943.752

16. Phải trả ngắn hạn khác

	31/3/2025 VND	1/1/2025 VND
Nhận tiền tạm ứng từ Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật (*)	1.088.478.165.310	964.858.573.817
Kinh phí công đoàn	36.798.630	98.118.214
Nhận kí quỹ, kí cược ngắn hạn	37.000.000	187.000.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	223.406.130	223.406.130
Các khoản phải trả, phải nộp khác	5.741.108.206	5.651.478.545
	1.094.516.478.276	971.018.576.706

(*) Đây là các khoản tạm ứng của JVL cho Tổng Công ty để xây dựng Dự án Tam Đảo theo Thỏa thuận khung đầu tư ngày 5 tháng 9 năm 2022 (Thuyết minh 11). Dự án sẽ được chuyển giao cho JVL sau khi tất cả các điều kiện tiên quyết được quy định trong hợp đồng được hoàn tất.

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31
tháng 03 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng tiền thuê đất đang được tạm tính theo đơn giá do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành cho giai đoạn từ tháng 7 năm 2013 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 do Tổng Công ty chưa có hợp đồng thuê đất và thông báo nộp tiền thuê đất để làm căn cứ xác định nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước đối với khu đất đang sử dụng này.

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Tổng Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tổng Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	Giai đoạn ba tháng kết thúc ngày	
	31/3/2025	31/3/2024
	VND	VND
Số dư đầu năm	46.293.172.877	48.675.643.465
Sử dụng trong kỳ	(1.117.173.511)	(1.178.450.930)
Số dư cuối kỳ	45.175.999.366	47.497.192.535

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1/1/2024	2.124.916.110.000	396.702.829.230	96.318.310.288	364.310.161.157	2.982.247.410.675
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	(326.218.106)	(326.218.106)
Số dư tại ngày 31/3/2024	2.124.916.110.000	396.702.829.230	96.318.310.288	363.983.943.051	2.981.921.192.569
Số dư tại ngày 1/1/2025	2.124.916.110.000	396.702.829.230	80.559.835.691	395.205.867.274	2.997.384.642.195
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	(3.395.732.212)	(3.395.732.212)
Số dư tại ngày 31/3/2025	2.124.916.110.000	396.702.829.230	80.559.835.691	391.810.135.062	2.993.988.909.983

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31
tháng 03 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

20. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty là:

	31/3/2025		1/1/2025	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	212.491.611	2.124.916.110.000	212.491.611	2.124.916.110.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	212.491.611	2.124.916.110.000	212.491.611	2.124.916.110.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	212.491.611	2.124.916.110.000	212.491.611	2.124.916.110.000

Công ty mẹ của Công ty là Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam, một công ty được thành lập tại Việt Nam.

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty.

21. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/3/2025 VND	1/1/2025 VND
Trong vòng một năm	10.674.656.065	10.025.412.985
Từ hai đến năm năm	33.328.770.965	34.096.078.378
Trên năm năm	260.656.557.377	262.395.603.210
	304.659.984.407	306.517.094.573

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31
tháng 03 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2025, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	31/3/2025 VND	1/1/2025 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	5.121.472.614.210	2.557.850.468.848
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	1.461.471.369.418	1.449.594.557.133
	<hr/> 6.582.943.983.628	<hr/> 4.007.445.025.981

23. Doanh thu cung cấp dịch vụ

	Giai đoạn ba tháng kết thúc ngày	
	31/3/2025	31/3/2024
	VND	VND
Cung cấp dịch vụ	8.570.837.675	924.723.475
	<hr/> 8.570.837.675	<hr/> 924.723.475

24. Giá vốn dịch vụ đã cung cấp

	Giai đoạn ba tháng kết thúc ngày	
	31/3/2025	31/3/2024
	VND	VND
Giá vốn cung cấp dịch vụ	8.016.357.278	530.134.022
	<hr/> 8.016.357.278	<hr/> 530.134.022

25. Doanh thu hoạt động tài chính

	Giai đoạn ba tháng kết thúc ngày	
	31/3/2025	31/3/2024
	VND	VND
Lãi tiền gửi và cho vay	2.371.062.897	6.666.509.794
	<hr/> 2.371.062.897	<hr/> 6.666.509.794

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31
tháng 03 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

26. Chi phí tài chính

	Giai đoạn ba tháng kết thúc ngày	
	31/3/2025	31/3/2024
	VND	VND
Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính	(544.430.035)	(285.796.223)

27. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Giai đoạn ba tháng kết thúc ngày	
	31/3/2025	31/3/2024
	VND	VND
Chi phí nhân viên	2.541.245.035	2.661.269.177
Chi phí khấu hao	112.935.084	111.331.191
Thuế, phí và lệ phí	3.315.075.020	3.471.456.137
Chi phí dịch vụ mua ngoài	777.839.722	1.007.240.623
Chi phí bằng tiền khác	345.532.811	450.155.242
	7.092.627.672	7.701.452.370

28. Thu nhập khác

	Giai đoạn ba tháng kết thúc ngày	
	31/3/2025	31/3/2024
	VND	VND
Thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	74.074.074
Thu nhập khác	441.695.584	376.672.727
	441.695.584	450.746.801

29. Chi phí khác

	Giai đoạn ba tháng kết thúc ngày	
	31/3/2025	31/3/2024
	VND	VND
Chi phí khấu hao các tài sản tạm thời không sử dụng	-	50.264.682
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán	-	-
Chi phí khác	214.773.453	372.143.325

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31
tháng 03 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

214.773.453 422.408.007

30. Chi phí kinh doanh theo yếu tố

	Giai đoạn ba tháng kết thúc ngày	
	31/3/2025 VND	31/3/2024 VND
Chi phí nhân viên	2.541.245.035	2.661.269.177
Chi phí khấu hao	5.958.192.242	232.686.541
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.555.679.444	2.726.752.449
Chi phí khác	4.159.918.528	474.197.574

31. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng, trong năm, Tổng Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	Giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31/3/2025 VND	31/3/2024 VND
Công ty con		
<i>Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu</i>		
Bán hàng hóa, dịch vụ	187.808.263	725.703.982
Cổ tức được chia		
Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật		
Góp vốn		
Nhận tạm ứng về chuyển nhượng dự án	123.619.591.493	217.058.750.254
Bán hàng hóa, dịch vụ	-	81.000.000
Mua hàng hóa		

	Giai đoạn ba tháng kết thúc ngày	
	31/3/2025 Triệu VND	31/3/2024 Triệu VND
Thành viên Hội đồng Quản trị và ban kiểm soát		
<i>Tổng thù lao</i>	156	156
Ban Tổng Giám đốc		
<i>Lương và thưởng</i>	560	225

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

32. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2025 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Người lập:



Hoàng Mạnh Cường
Kế toán trưởng

Người soát xét:



Nguyễn Đức Nam
Phó Tổng Giám đốc

Người duyệt:



Đoàn Quốc Khánh
Tổng Giám đốc